

XÂY DỰNG MÔ HÌNH TẠO LẬP, PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ THÔNG TIN-THƯ VIỆN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS Vũ Duy Hiệp

Trung tâm TT-TV, Trường Đại học Vinh

Tóm tắt: Nghiên cứu xây dựng mô hình, nhằm tạo lập một hệ thống sản phẩm và dịch vụ thông tin- thư viện (SP&DV TTTV) có chất lượng cao, thân thiện với người dùng tin (NDT), phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa để có thể chủ động hội nhập, liên thông với các hệ thống SP&DV TTTV trong nước và quốc tế. Đây là yêu cầu khách quan, cấp thiết đối với các thư viện đại học, trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học (GDĐH) Việt Nam. Bài viết trình bày nghiên cứu đề xuất mô hình tạo lập, phát triển hệ thống SP&DV TTTV tại các trường đại học Việt Nam giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Thư viện đại học; hệ thống sản phẩm và dịch vụ; sản phẩm thông tin-thư viện; dịch vụ thông tin-thư viện.

Models for developing library and information products and services in existing universities

Abstract: Developing a systematic model to establish an information-library product and service system which is high-quality, user-friendly, standardized and modernized to actively integrate with other local and international systems. It is the objective and imperative demand for academic library, in the context of reforming Vietnamese higher education fundamentally and comprehensively.

Keywords: University library; information products; information services; library products; library services.

1. Mở đầu

Có thể nói, thư viện đại học trên thế giới đang có những chuyển biến tích cực cùng với sự đổi mới của giáo dục đại học và sự phát triển của khoa học và công nghệ. Hiện nay, các thư viện đại học đều hướng đến hoạt động theo mô hình một cơ quan cung cấp dịch vụ thông tin. Các hoạt động triển khai tại đây được định hướng theo dịch vụ (service-driven), lấy việc đáp ứng nhu cầu và sở thích của NDT là mục tiêu phát triển của mình- định hướng NDT (user-driven). Nếu như đổi mới trong phương pháp dạy - học theo hướng tích cực, lấy người học làm trung tâm, thì đổi mới trong hoạt động thư viện chính là lấy NDT làm trung tâm, với phương châm phục vụ tạo

điều kiện thuận lợi cao nhất cho NDT. Hoạt động thư viện đại học cần phải chủ động cung cấp thông tin cho NDT và có mối quan hệ, sự phối hợp nhịp nhàng với các khoa đào tạo nhằm gắn kết chặt chẽ và phục vụ đắc lực các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học trong trường đại học [1, 2, 14].

Bàn về vai trò của các dịch vụ TT-TV đối với sự phát triển của mỗi thư viện, Giáo sư P. Kaufman nhấn mạnh: “Sự khác biệt giữa các thư viện trong thế kỷ 21 được xác định không chỉ đơn thuần bởi giá trị nội dung của bộ sưu tập, mà còn bởi quy mô và chất lượng các dịch vụ mà thư viện đó đưa ra” [8, tr. 12]. J. Dorner và các đồng tác giả trong một nghiên cứu về các mô hình dịch vụ thư viện đã

Nghiên cứu - Trao đổi

xác định: “*Cần phải có các mô hình dịch vụ mới để đáp ứng nhu cầu của người sử dụng thư viện ảo và phát huy được các tiện ích của công nghệ mới*” [5, tr. 12].

Xét từ góc độ NDT, có thể hiểu các định hướng trên là tương đồng, ít nhất là về mục đích mà nó hướng tới. Một hạn chế của hầu hết các thư viện đại học Việt Nam hiện nay là tính thụ động trong việc đáp ứng nhu cầu tin, chính vì thế, xây dựng mô hình hệ thống SP&DV TTTV để chủ động tạo lập và cung cấp dịch vụ thông tin cho NDT được xem là mục tiêu chính. Theo S.Walter, các thư viện đại học cần phải định hướng dịch vụ là vì các nguyên nhân chính: Nhận thức ngày càng cao của NDT về vị trí của thư viện trong các tổ chức nghiên cứu, đào tạo; NDT có xu hướng xác định giá trị cao của thư viện đối với việc trợ giúp họ truy cập và khai thác các nguồn tin khoa học; Sự sáng tạo dựa trên nền tảng và môi trường hướng đến các dịch vụ có thể chia sẻ được với nhau; Phát triển các dịch vụ thư viện để đáp ứng sự gắn kết chặt chẽ giữa hoạt động TTTV với hoạt động đào tạo, nghiên cứu tại các trường đại học [14]. Các hoạt động của thư viện định hướng theo người dùng đã trở thành xu hướng phổ biến hiện nay, chính vì vậy, đã và đang không ngừng phát triển các loại hình SP&DV TTTV mà bao hàm trong đó là sự liên kết, phối hợp của nhiều hình thức khác nhau, sự chuyển đổi và phát triển trên môi trường mạng. Đứng trước các yêu cầu đó, việc nghiên cứu xây dựng mô hình hệ thống, đề xuất cơ chế, chính sách cùng các giải pháp triển khai nhằm tạo lập được một hệ thống SP&DV TTTV có chất lượng cao, thân thiện với NDT, phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa để có thể chủ động hội nhập, liên thông với các hệ thống

SP&DV TTTV trong nước và quốc tế là yêu cầu khách quan, cấp thiết đối với các thư viện đại học, trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học (GDĐH) Việt Nam.

2. Đề xuất mô hình tạo lập hệ thống sản phẩm và dịch vụ thông tin-thư viện tại thư viện đại học giai đoạn hiện nay

2.1. Các mô hình hệ thống sản phẩm và dịch vụ thông tin-thư viện căn cứ theo vai trò, vị trí của thư viện đại học

Hiện tồn tại nhiều mô hình hệ thống SP&DV TTTV. Ví dụ, khi triển khai dịch vụ phổ biến thông tin chọn lọc (Selective Dissemination of Information-SDI), người ta cũng xây dựng một mô hình cụ thể, để qua đó thấy được các nội dung, cách thức chính khi triển khai dịch vụ này cung cấp các sản phẩm đến người dùng,... Hơn nữa, ngay tại dịch vụ SDI, người ta cũng đã xây dựng một mô hình riêng để triển khai dịch vụ phổ biến thông tin chọn lọc tự động hóa - Automated SDI,... Bởi vậy, việc nghiên cứu, phân nhóm các mô hình hệ thống SP&DV TTTV cũng có thể được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đưa ra xem xét đối với ba nhóm chính, bao gồm: mô hình tạo lập, mô hình cung cấp và mô hình chia sẻ các SP&DV TTTV. Việc nghiên cứu, khảo sát các mô hình trên được triển khai theo ba khía cạnh được đề ra, đó là: Mục tiêu, Các thành tố và Cơ chế vận hành của các mô hình tương ứng nêu trên. Để thuận tiện cho việc đối chiếu, so sánh, chúng tôi xin trình bày những nội dung cơ bản trên theo bảng dưới đây:

Nghiên cứu - Trao đổi

Bảng 1. Yêu cầu đặt ra đối với các mô hình hệ thống SP&DV TTTV

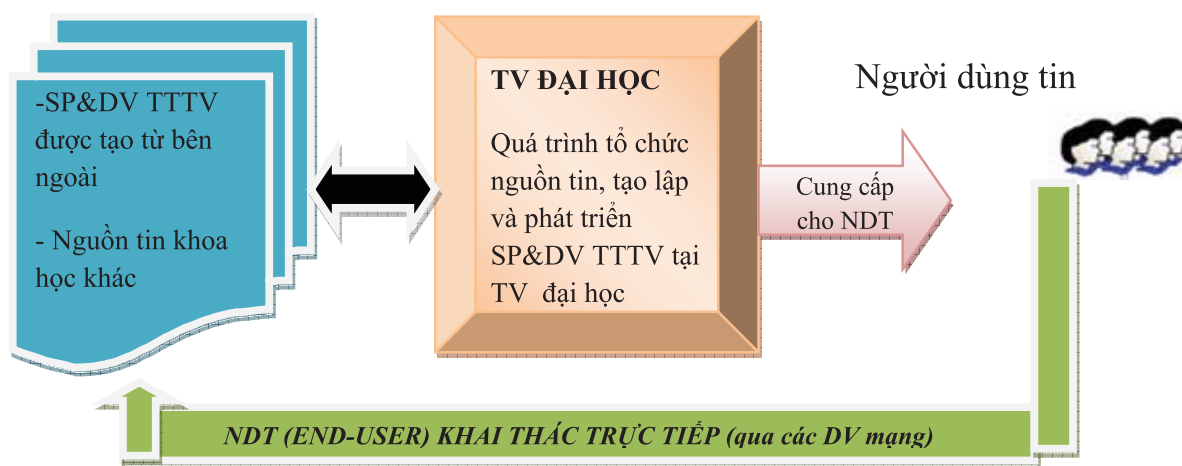
Yêu cầu đặt ra	Mô hình tạo lập	Mô hình cung cấp	Mô hình chia sẻ
MỤC TIÊU	Phát triển nguồn tin và hệ thống SP&DV đặc thù của TV theo một chiến lược lâu dài, bảo đảm tính mục tiêu rõ ràng, để chúng trở thành bộ phận hữu cơ trong toàn thể hệ thống các SP&DV TTTV trong toàn bộ hệ thống TTKH&CN quốc gia	Cung cấp tới NDT nguồn tin, hệ thống SP&DV một cách kịp thời, đầy đủ, thuận tiện; đáp ứng được các nhu cầu thông tin phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu và đào tạo tại trường đại học.	Nâng cao hiệu quả tạo lập, khai thác nguồn tin, các SP&DV TTTV tại các thư viện đại học, nâng cao năng lực phục vụ của các thư viện đại học nhằm đáp ứng nhu cầu tin ngày càng cao và đa dạng của NDT.
CÁC THÀNH TỐ	- Nguồn tin khoa học nội sinh của các trường đại học; - Nguồn tin khoa học và các SP&DV TTTV trong và ngoài nước phục vụ trực tiếp nghiên cứu và đào tạo tại trường đại học; - Cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là cơ sở hạ tầng thông tin dành cho các thư viện đại học; - Đội ngũ cán bộ thư viện chuyên nghiệp; - Các doanh nghiệp thông tin-xuất bản.	- Nguồn tin khoa học của quốc gia dưới các dạng khác nhau; - Hệ thống SP&DV TTTV hiện có; - Cơ sở vật chất kỹ thuật, bao gồm cơ sở hạ tầng thông tin, trụ sở thư viện, các trang thiết bị kỹ thuật khác...; - Lực lượng tham gia: Cán bộ thư viện, đội ngũ giảng viên, các chuyên gia thuộc các doanh nghiệp bên ngoài...	- Các thư viện đại học; - Các thành viên của Hệ thống thông tin KH&CN quốc gia; - Nguồn tin khoa học của quốc gia dưới các dạng khác nhau; - Hệ thống SP&DV TTTV hiện có; - Cơ sở hạ tầng thông tin; - Đội ngũ cán bộ thư viện chuyên nghiệp; - Các doanh nghiệp thông tin -xuất bản...
CƠ CHẾ VẬN HÀNH	- Chính sách cho việc tạo lập, quản lý, khai thác nguồn tin khoa học nội sinh; - Chính sách của nhà nước cho việc tạo lập, mua, quản lý, khai thác nguồn tin khoa học của quốc gia; - Các hoạt động mua, trao đổi, giao nộp, biếu tặng; - Hợp tác quốc tế, khai thác, thu hút các nguồn lực từ bên ngoài (outsourcing).	- Môi trường pháp lý, cơ chế chính sách liên quan tới các quá trình tạo lập, lưu giữ, quản lý, khai thác thông tin nói chung; - Xây dựng thị trường thông tin bao gồm hai nội dung chính: Xác định và phát triển lâu dài các nguồn tin và hệ thống SP&DV TTTV cơ bản của thư viện đại học; - Xác định và phát triển các nguồn tin và các loại hình SP&DV TTTV có giá trị gia tăng.	- Môi trường pháp lý, cơ chế chính sách liên quan tới các quá trình tạo lập, lưu giữ, quản lý, khai thác thông tin nói chung; - Quy chế hợp tác, liên kết và chia sẻ các SP&DV TTTV giữa các thành viên; - Thông lệ đối với các quá trình cung cấp, trao đổi, chia sẻ thông tin.

Nghiên cứu - Trao đổi

2.2. Mô hình tạo lập hệ thống sản phẩm và dịch vụ thông tin-thư viện tại thư viện đại học

Có một nhận xét cần chú ý là, tại mỗi thư viện cụ thể, trong toàn bộ hệ thống SP&DV cũng như nguồn tin gốc mà thư viện cung cấp cho NDT, thì phần được thư viện tạo lập hay nguồn tài liệu mà thư viện trực tiếp quản lý chiếm một số lượng không lớn, nếu không muốn nói là rất nhỏ. Phần lớn các nguồn tin và SP&DV TTTV mà thư viện cung cấp đến NDT được tạo lập từ bên ngoài: từ các cơ quan TT-TV lớn trong nước, ví dụ: Cục Thông tin KH&CN quốc gia, từ các doanh nghiệp thông tin-xuất bản lớn trên thế giới. Chính vì thế, trong quá trình hoạt động, để đáp ứng nhu cầu của NDT, các thư viện cần quan tâm không chỉ tới việc tạo lập các SP&DV hay xây dựng các bộ sưu tập (nguồn tin gốc) phù hợp để đưa ra phục vụ¹, mà còn phải đặc biệt quan tâm tới việc có được các SP&DV nào, cũng như có thể khai thác được nguồn tin gốc nào từ bên ngoài [1, 3, 10, 15].... Lúc này, thư viện đóng vai trò như người trung chuyển, người tạo điều kiện cho việc khai thác, sử dụng các SP&DV và nguồn tin gốc

được tạo lập từ bên ngoài một cách có hiệu quả và hợp lý nhất trong trường đại học. Như vậy, ở đây, khi xét tới các quan hệ khác nhau, đối với NDT trực tiếp trong trường đại học, thư viện đóng vai trò là người cung cấp SP&DV, trong khi đó, nếu đối với những nhà cung cấp nội dung thông tin khoa học và các SP&DV TTTV chuyên nghiệp (chủ yếu là các doanh nghiệp thông tin-xuất bản) thì thư viện lại đóng vai trò là người dùng tin, người tiếp nhận các SP&DV và nguồn tin gốc để sau đó tổ chức cho NDT trực tiếp của mình khai thác. Từ cách tiếp cận này có thể thấy tồn tại hai hệ thống SP&DV TTTV tương ứng: hệ thống SP&DV dành cho NDT trực tiếp và hệ thống SP&DV dành cho thư viện với tư cách là người tiếp nhận để trung chuyển [22]. Cũng chính từ đây có thể nhận ra dòng luân chuyển các SP&DV TTTV và nguồn tin khoa học nói chung từ những nơi chúng được tạo lập hay được quản lý, thông qua thư viện đại học để mang đến cho NDT trực tiếp. Dòng luân chuyển đó được phản ánh qua Hình 1.



Hình 1. Dòng luân chuyển nguồn tin, các sản phẩm và dịch vụ tại thư viện đại học

¹ Ngay tại đây, đang thịnh hành việc thay thế quan điểm bổ sung càng nhiều càng tốt đối với bộ sưu tập (tài liệu dạng in) của thư viện bằng quan điểm chú trọng đến khả năng truy cập tới các nguồn tin dạng số [Curtis].

Nghiên cứu - Trao đổi

Trong hình trên, SP&DV TTTV bên ngoài được hiểu bao gồm: các doanh nghiệp thông tin-xuất bản và các thư viện/cơ quan thông tin khác mà thư viện chủ thể ở đây có mối quan hệ hợp tác, chia sẻ nguồn lực.

Mũi tên trao đổi  giữa thư viện chủ thể và bên ngoài phản ánh: việc bổ sung các nguồn tin và SP&DV TTTV với các doanh nghiệp thông tin-xuất bản; quan hệ chia sẻ nguồn lực, trao đổi các loại SP&DV TTTV, nguồn tin... giữa thư viện với các thư viện/cơ quan thông tin khác; và việc tích hợp các SP&DV TTTV do thư viện tạo lập cũng như tích hợp nguồn tin khoa học có tại thư viện (ví dụ các luận án tiến sỹ được thực hiện tại trường đại học) vào hệ thống các SP&DV TTTV và nguồn tin hiện có trên các phạm vi.

Thông thường, các doanh nghiệp thông tin-xuất bản thông qua các thư viện (nhất là các thư viện đại học, thư viện của các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ) để nắm rõ nhu cầu của NDT trực tiếp. Qua đó, các doanh nghiệp này thiết kế các loại SP&DV TTTV hướng đến nhóm NDT trực tiếp và cung cấp cho họ thông qua các thư viện. Vì thế, tồn tại nhiều SP&DV do các doanh nghiệp thông tin-xuất bản cung cấp vừa dành cho các thư viện, lại vừa dành cho NDT trực tiếp, ví dụ, hệ thống CSDL do các doanh nghiệp như Thomson Reuters, Science@Direct,... tạo lập. Ở đây, sở dĩ NDT hầu như không trở thành khách hàng trực tiếp của các doanh nghiệp này chỉ thuần túy bởi khía cạnh tài chính: Việc họ mua quyền khai thác qua thư viện (phương thức nhiều người dùng tin cùng mua qua thư viện) sẽ tiết kiệm hơn rất nhiều so với việc họ trực tiếp mua từ nhà cung cấp gốc.

Xét tại một thư viện đại học cụ thể, quá

trình tạo lập để cung cấp các SP&DV TTTV nhằm phục vụ công tác nghiên cứu, đào tạo và phát triển thư viện bao gồm nhiều hoạt động khác nhau: từ việc xác định, lựa chọn nguồn tin và loại hình SP&DV từ bên ngoài mà thư viện cần phải có để cung cấp cho NDT trực tiếp của mình, sau đó là việc quyết định tạo lập các nguồn tin nào (về bản chất chính là việc công bố khoa học được thực hiện bởi dịch vụ xuất bản thư viện), các SP&DV TTTV nào, để rồi tiếp theo là tích hợp nguồn tin từ bên ngoài với nguồn tin đặc thù của mình (chủ yếu là nguồn tin khoa học nội sinh) để cung cấp cho NDT theo cách thức phù hợp nhất có thể. Từ thực tiễn trên, có thể thấy, vấn đề ở đây chính là nguồn tin hiện có cùng các SP&DV TTTV được tạo ra tại thư viện có khả năng tích hợp được với bên ngoài hay không, để sao cho, đối với NDT trực tiếp, không tồn tại bất kỳ sự cản trở, sự cô lập nào trong mọi quá trình khai thác sử dụng thông tin và các SP&DV TTTV [4, 6, 7, 15].... Để tạo tiền đề cho sự hội nhập, tích hợp nguồn lực thông tin nói chung của trường đại học với bên ngoài một cách có hiệu quả thì các thư viện cần làm theo (xây dựng quy trình tạo lập) đúng cách thức mà các doanh nghiệp này đã tạo lập để đưa ra thị trường. Để thực hiện được điều đó, người ta buộc phải quan tâm và giải quyết các vấn đề then chốt như: việc hình thành chính sách, môi trường pháp lý cho việc truyền, chia sẻ, khai thác thông tin; việc lựa chọn và áp dụng các giải pháp công nghệ, các tiêu chuẩn...

Trên cơ sở đó, mô hình tạo lập nguồn tin, phát triển hệ thống SP&DV TTTV tại thư viện đại học cần được xây dựng và triển khai với một số quy trình cơ bản sau:

Nghiên cứu - Trao đổi

NGUỒN TIN BÊN NGOÀI	Bổ sung tài liệu (sách, tạp chí khoa học) dạng truyền thống; Bổ sung sách điện tử (E-book); Bổ sung nguồn tin trực tuyến - Mua quyền truy cập các nguồn tin trực tuyến (chủ yếu là tạp chí trực tuyến, các CSDL trực tuyến...); Truy cập các nguồn tin khoa học được phép sử dụng miễn phí.
CÁC NGUỒN HỌC LIỆU	Tạo lập và phát triển CSDL toàn văn đề cương bài giảng. Xây dựng CSDL thư mục đính kèm tệp toàn văn học liệu.
NGUỒN TIN KHNS	Tạo lập và phát triển CSDL toàn văn các luận án, luận văn, khóa luận. Tạo lập và phát triển CSDL toàn văn báo cáo kết quả nghiên cứu.
SẢN PHẨM& DỊCH VỤ TẠI TV	Xây dựng các CSDL quản lý tài liệu TV; quản lý nguồn tin nội sinh. Tổ chức các dịch vụ: Sao chụp, Thông báo tài liệu mới, Phổ biến thông tin chọn lọc, Phổ biến thông tin hiện tại, Thông tin chuyên đề... Cung cấp phòng học nhóm, Hội thảo, Seminar; Xuất bản thư viện...
TRUY CẬP NGUỒN TIN, SP&DV TTTV	Tổ chức truy cập, khai thác nguồn học liệu, nguồn tin khoa học nội sinh, các SP&DV TTTV tại thư viện; Thiết lập việc truy cập, khai thác tại các TV bên ngoài: các DV: mượn, sao chụp liên TV; khai thác các DV phổ biến TT hiện tại, thông tin chuyên đề, truyền tệp... từ bên ngoài; Phối hợp tổ chức các hội thảo, tập huấn, giới thiệu nguồn tin và kỹ năng khai thác, dịch vụ hướng dẫn sử dụng các phần mềm quản lý dữ liệu nghiên cứu...; Truy cập các trang mạng bên ngoài qua thư viện
CÁC PHƯƠNG THỨC CUNG CẤP TT	Thiết lập các phương thức cung cấp thông tin (nguồn tin, SP&DV tương ứng) dành cho: Các nhóm NDT chủ yếu khai thác tại trụ sở TV và qua mạng; Các nhóm NDT khai thác, sử dụng thông tin từ xa (chủ yếu bên ngoài trụ sở TV): người học tại địa phương, học theo E-learning, của TV/cơ quan TT khác ...
NỘI DUNG CHIA SẺ, LIÊN KẾT	Đề xuất chính sách quản lý nguồn tin (loại có bản quyền, loại miễn phí...) và SP&DV TTTV. Xác định các mức cho phép (permission levels) truy cập các nguồn tin khoa học nội sinh, các SP&DV TTTV tương ứng với từng nhóm NDT: Cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp trên, người dùng tin thuộc các đối tác, người dùng tin bên ngoài khác...

Hình 2. Mô hình tạo lập nguồn tin, phát triển hệ thống SP&DV TTTV tại thư viện đại học

Nghiên cứu - Trao đổi

Mô hình trên cho thấy, việc tạo lập nguồn tin, phát triển hệ thống SP&DV TTTV, rồi sau đó tích hợp với những yếu tố được tiếp nhận từ bên ngoài là cả một quá trình, gồm nhiều công đoạn, có liên quan mật thiết và ảnh hưởng tương hỗ lẫn nhau. Về cách trình bày, có thể thấy mô hình tạo lập nguồn tin, phát triển hệ thống SP&DV TTTV tại thư viện đại học được mô tả dưới hình thức các module, mà ô bên trái phản ánh đối tượng chính mà module tác động đến.

Với Nguồn tin từ bên ngoài: module này giải quyết các vấn đề: Bổ sung, trao đổi hoặc các hình thức khác cho phép thư viện tiếp nhận để có thể cung cấp cho người dùng tin của mình. Đây chính là một nội dung cụ thể của quá trình tạo lập nguồn tin của thư viện đại học và tạo nên bộ phận nguồn tin chiếm số lượng lớn nhất của thư viện đại học [1, 8, 15]....

Với đối tượng tác động là nguồn học liệu, module này giải quyết các vấn đề: Xây dựng CSDL toàn văn đề cương bài giảng; Xây dựng CSDL thư mục đính kèm tệp toàn văn các học liệu, bộ sưu tập các tài liệu hướng dẫn, kiểm tra, bài tập... Nguồn học liệu là sự pha trộn giữa nguồn tin khoa học nội sinh của trường đại học và nguồn tin từ bên ngoài. Tập hợp đề cương bài giảng và giáo trình tương ứng² của một ngành đào tạo, sau đó là bộ môn, khoa, trường - một bộ phận có giá trị đặc thù trong nguồn tin nội sinh của trường đại học, phản ánh thương hiệu, uy tín của trường đại học. Trong đề cương bài giảng có liệt kê một danh mục học liệu, là những tài liệu các dạng khác nhau: chuyên khảo, giáo trình đã có, bài báo khoa học, luận án... Những tài liệu này không phụ thuộc vào có thuộc nguồn tin khoa học nội sinh hay không, miễn là có nội dung liên quan trực tiếp đến bài giảng, mà sinh viên buộc phải sử dụng các phần, nội dung cụ thể (được giáo viên chỉ định) trong quá trình học [3, 4].

Với đối tượng là nguồn tin khoa học nội sinh

của trường đại học thì module này giải quyết các vấn đề: Tạo lập và phát triển CSDL toàn văn các luận án, luận văn, khóa luận; Tạo lập và phát triển CSDL toàn văn báo cáo kết quả nghiên cứu; Phát triển các tạp chí khoa học, các kỷ yếu... Việc tập trung phát triển bản thân nguồn tin khoa học nội sinh và hệ thống SP&DV TTTV được tạo lập tại chỗ mang nhiều giá trị và ý nghĩa khác nhau và cần được xem như một trong số các nhiệm vụ trọng tâm đối với mỗi thư viện đại học, hay rộng hơn là mỗi thư viện/cơ quan thông tin trực thuộc các tổ chức nghiên cứu, đào tạo [3, 20]. Bởi chính bộ phận nguồn tin và các SP&DV TTTV này mang tính đặc thù, có ý nghĩa và giá trị trực tiếp góp phần làm giàu các nguồn thông tin khoa học nói chung, vì thế, đã tạo ra tiền đề cũng như định hướng cho việc chia sẻ nguồn lực giữa thư viện với bên ngoài trên mọi phạm vi và quy mô có thể.

Với đối tượng là các loại SP&DV TTTV, module này giải quyết các vấn đề: Lựa chọn và tiếp nhận các SP&DV TTTV phổ biến, có giá trị thiết thực và phù hợp với NDT của trường, có khả năng đáp ứng những loại nhu cầu sẽ hoặc mới được hình thành tại trường; Tạo lập một số SP&DV tại thư viện trường một cách phù hợp (ví dụ các CSDL có chức năng kiểm soát các loại tài liệu đang được lưu giữ tại thư viện) để sau đó tích hợp với các yếu tố từ bên ngoài (bao gồm cả chia sẻ và trao đổi với các chủ thể khác) để có thể cung cấp đến NDT [8, 9, 20]. Hình ảnh minh họa phổ biến và dễ nhận thấy trên trang web của nhiều thư viện đại học là việc tạo các liên kết đến OPAC của thư viện và các nguồn tin trực tuyến được phép truy cập như Proquest Central... và OPAC của các thư viện/cơ quan thông tin mà thư viện chủ thể thực hiện kết nối đã phản ánh điều đó [24, 30].

Với đối tượng là truy cập nguồn tin, hệ thống SP&DV TTTV, module này giải quyết các vấn đề: Tổ chức truy cập, khai thác nguồn học liệu, nguồn tin khoa học nội sinh, các

² Thông thường, đề cương bài giảng do giáo viên biên soạn, và sử dụng một giáo trình tương ứng cũng do giáo viên của trường biên soạn, được thẩm định bởi một hội đồng khoa học do trường thành lập. Một số ít trường hợp, đề cương bài giảng được xây dựng trên cơ sở một giáo trình có sẵn ở bên ngoài.

Nghiên cứu - Trao đổi

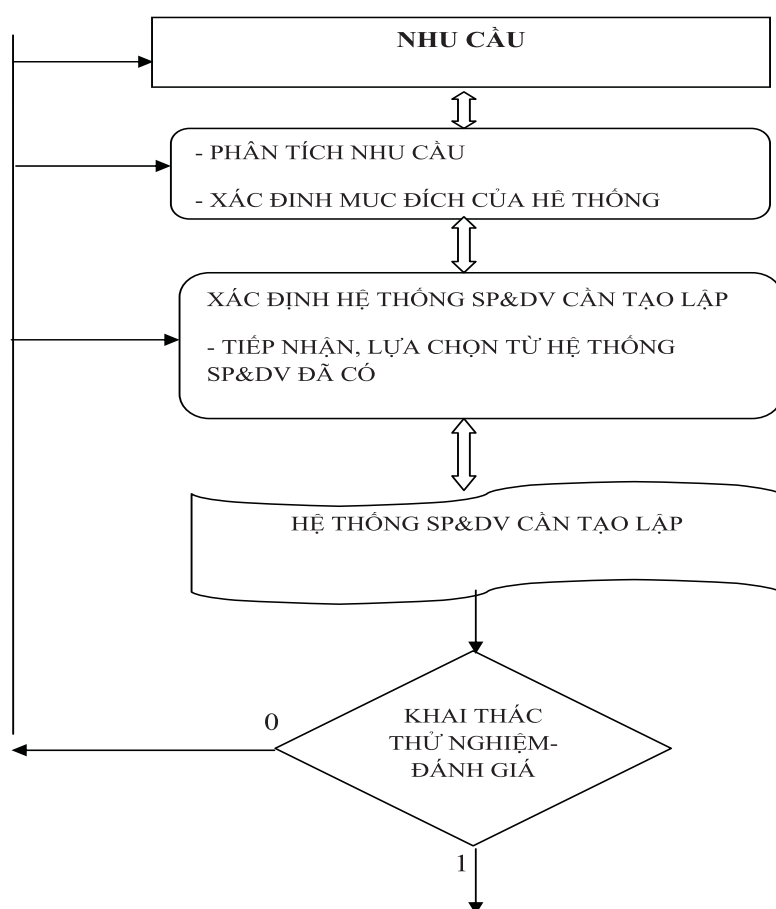
SP&DV TTTV tại thư viện; Thiết lập việc truy cập, khai thác tại các TV bên ngoài các DV: mượn, sao chụp liên TV; Khai thác các dịch vụ phổ biến thông tin hiện tại, thông tin chuyên đề, truyền tệp... từ bên ngoài; Phối hợp tổ chức các hội thảo, tập huấn, giới thiệu nguồn tin và kỹ năng khai thác, dịch vụ hướng dẫn sử dụng các phần mềm quản lý dữ liệu nghiên cứu...; Cho phép tìm kiếm trên các trang mạng bên ngoài (trong và ngoài nước) khi truy cập trang web của TV [13, 15].

Với đối tượng là phương thức cung cấp thông tin, module này giải quyết các vấn đề: Thiết lập các phương thức cung cấp thông tin (nguồn tin, SP&DV tương ứng) dành cho các nhóm NDT chủ yếu khai thác tại trụ sở TV và qua mạng (SV, HVCH, NCS, CBGD, CBNC, cán bộ lãnh đạo, quản lý, NDT từ bên ngoài); Thiết lập các phương thức cung cấp thông tin đối với các nhóm NDT chủ yếu khai thác, sử

dụng thông tin từ xa (người học tại địa phương, học theo E-learning, của TV/cơ quan TT khác) [18] ...

Với đối tượng là nội dung chia sẻ, liên kết với các cơ quan bên ngoài, module này giải quyết các vấn đề: Đề xuất chính sách quản lý nguồn tin (loại có bản quyền, loại miễn phí...) và SP&DV TTTV; Xác định các mức cho phép (permission levels) truy cập các nguồn tin khoa học nội sinh, các SP&DV TTTV tương ứng với từng nhóm NDT [10]; Cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp trên, người dùng tin thuộc các đối tác, người dùng tin bên ngoài khác...

Việc tạo lập một hệ thống SP&DV TTTV để đáp ứng một nhu cầu cụ thể được diễn ra theo một trình tự xác định nhằm bảo đảm hệ thống được tạo lập đạt được mục đích sinh ra nó, cũng như bảo đảm tính hiệu quả cho toàn bộ việc tạo lập đó [6, 17]. Quy trình này có thể được miêu tả theo dạng sơ đồ khối sau:



Hình 3. Quy trình tạo lập Hệ thống SP&DV TTTV

Nghiên cứu - Trao đổi

Các quy định trình bày trong sơ đồ:

- NHU CẦU bao gồm: (i) nhu cầu của người dùng tin trực tiếp hoặc/và của cán bộ thư viện chuyên nghiệp (khi thực hiện một dịch vụ cụ thể với người dùng tin; (ii) nhu cầu nâng cao năng lực của thư viện.

- Ký hiệu $\longleftrightarrow$: phản ánh mối quan hệ qua lại, sự điều chỉnh trong các hoạt động diễn ra giữa các khối với nhau. Người tạo lập – chuyên viên của thư viện là người chịu trách nhiệm thu nhận thông tin – phân tích các tình huống để thực hiện nhiệm vụ được giao (được xác định trong mỗi khối công việc).

- Ký hiệu $\longrightarrow$: phản ánh chiều truyền thông tin.

- “Hệ thống SP&DV TTTV đã có” bao gồm các nhóm: được tiếp nhận từ các doanh nghiệp thông tin-xuất bản, được tiếp nhận từ việc chia sẻ nguồn lực với các thư viện/cơ quan thông tin khác và việc sử dụng lại các kết quả mà chính thư viện đã tạo ra trước đây.

- Khối logic trong sơ đồ (Khai thác thử nghiệm, đánh giá) đòi hỏi sự tham gia, trao đổi, đánh giá từ phía NDT và người tạo lập SP&DV TTTV. Nếu kết quả đánh giá chưa đạt (giá trị 0), quá trình lại được lặp lại, từ khâu tiếp nhận và phân tích nhu cầu, việc xác định các mục đích mà hệ thống SP&DV phải đạt được để trên cơ sở đó thiết kế được một hệ thống cụ thể. Từ hệ thống SP&DV TTTV đã có (như đã nêu trên) các chuyên gia sẽ quyết

định cái gì phải làm mới cũng với những cái đã có để tạo nên hệ thống như đã được xác định. Trong trường hợp, quá trình thử nghiệm đạt được sự mong đợi, có thể xem quy trình tạo lập hệ thống SP&DV TTTV được hoàn tất và công đoạn tiếp theo là chuyển sang khai thác hay cung cấp cho người dùng.

Kết luận

Vấn đề xây dựng mô hình tạo lập và phát triển hệ thống SP&DV TTTV tại trường đại học là một nội dung phức tạp, tác động và chịu tác động tới rất nhiều yếu tố bên trong và bên ngoài của trường đại học. Những nghiên cứu trình bày trên chủ yếu mới đưa ra một số phân tích và đề xuất mô hình tạo lập, phát triển hệ thống SP&DV TTTV tại trường đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học. Trong khuôn khổ có hạn, bài viết mới chỉ phân tích một cách hết sức khái lược. Tuy nhiên, trong nghiên cứu, khi đề cập tới việc tạo lập và phát triển hệ thống SP&DV TTTV tại thư viện, chúng tôi đã chú trọng đến vai trò của các thư viện đại học, cùng với việc tiến hành điều tra nhu cầu của NDT để tạo lập các loại hình SP&DV TTTV chất lượng, thân thiện. Bên cạnh đó, các thư viện đại học cần quan tâm không chỉ tới việc xây dựng các bộ sưu tập (nguồn tin gốc) phù hợp để đưa ra phục vụ, mà còn cần tiếp nhận nguồn tin và các SP&DV TTTV từ bên ngoài (chủ yếu là từ các doanh nghiệp thông tin-xuất bản) để sau đó có thể cung cấp cho NDT của mình theo những dạng thức phù hợp nhất, phục vụ công tác quản lý, đào tạo, nghiên cứu tại trường đại học.

Tài liệu tham khảo

1. Attis D. (2013), Redefining the Academic Library: Managing the Migration to Digital Information Services, Nxb McMaster University, Ontario (Mỹ).

2. Booth M., McDonald S., Tiffen B. (2009), ‘A New Vision for University Libraries: Towards 2015’, VALA - Libraries, Technology and the Future Inc. http://www.academia.edu/437785/A_new_vision_for_university_libraries_towards_2015, truy cập ngày 21 tháng 5 năm 2014

3. Lê Quỳnh Chi (2015), Quản lý nguồn lực thông tin trong thư viện trường đại học./ Luận án tiến sỹ khoa học giáo dục. Chuyên ngành: Quản lý giáo dục. Mã số: 62 14 01 14.- Tp. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh

4. Nguyễn Huy Chương (2009), Nghiên cứu, thiết kế mô hình và xây dựng thử nghiệm nguồn học liệu trực tuyến phục vụ đào tạo chất lượng cao cho một số ngành, chuyên ngành tại Đại học Quốc gia Hà Nội, Đề tài cấp Đại học Quốc gia, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội

Nghiên cứu - Trao đổi

5. Curtis G., Daves C. (2011), 'Academic Libraries in the Future', Sconul Focus. 40 p. <http://www.sconul.ac.uk/publications>, truy cập ngày 21 tháng 5 năm 2014.
6. Dawson D. (2014), The Scholarly Communications Needs of Faculty: An Evidence Based Foundation for the Development of Library Services.// Evidence Based Library and Information Practice. Vol.9. Issue 4. pp. 4-28.
7. Dorner J. etc (2012), Re-Envisioning The Library Library Service Models. At: http://www.lib.berkeley.edu/AboutLibrary/re_envision.html
8. Hasan M.M., Ekawit Nantajeewarawat (2010), Tiến tới các dịch vụ thư viện số thông minh và tùy biến./ Vũ Văn Sơn d.// Thông tin & Tư liệu. Số 3. Tr. 35-41.
9. Nguyễn Hữu Hùng (2008), "Một số vấn đề về chính sách phát triển sản phẩm và dịch vụ thông tin tại Việt Nam", Thông tin và tư liệu, (4), tr. 5-12
10. Tạ Bá Hùng (2001), Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn phát triển mạng thông tin tư liệu về khoa học và công nghệ ở Việt Nam, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Hà Nội
11. Kaufman P. (2012), Developing New Models of Service, Illinois: University Library. 28 p.
12. Lewis D.W., (2007), "The Strategy for Academic Libraries in the First Quarter of the 21st Century", College and Research Libraries, September, pp. 418-434.
13. Mei Zhang (2011), On Innovation of the Academic Library Services from the Information Service Equalization.// CSEE 2011, Part V, CCIS 218, pp. 70-75
14. Piacentine J. (2012), Reference Services in Academic Libraries. At: <http://www.slideshare.net/juliepia/referenc-services-in-academic-libraries>
15. Pinfield S. (2011), Towards Open Access: Managerial, Technical, Economic and Cultural Aspects of Improving Access to Research Outputs from the Perspective of a Library and Information Services Provider in a Research University, Thesis for the Degree of Doctor of Philosophy, University of Nottingham, Nottingham.
16. Trần Thị Quý, Đỗ Văn Hùng, Phạm Tiến Toàn (2014), "Quản trị nguồn học liệu số tại Trường đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội", Kỷ yếu Hội thảo khoa học Hoạt động thông tin-thư viện với vấn đề đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. tr. 494- 511.
17. (2007), Researchers' Use of Academic Libraries and their Services A report commissioned by the Research Information Network and the Consortium of Research Libraries./ Research Information Network & Consortium of Research Libraries in British Isles. 74 p.
18. Sideri S. I. (2013), The Effective Use of Electronic Information services (EIS) in Greek Higher Education and their Relationship to Current Greek Educational Practice, Thesis for the Degree of Doctor of Philosophy, University of Northumbria, Newcastle.
19. Schmidt B., Kuchma I.(2013), Implementing OA mandates in Europe OpenAIR Study on the Development of Open Access Repository Communities in Europe. Universitätsverlag Gottingen. 179 p.
20. Trần Mạnh Tuấn (2008), Nghiên cứu, xây dựng hệ thống sản phẩm và dịch vụ thông tin tại Viện Khoa học xã hội Việt Nam: Đề tài nghiên cứu cấp Bộ.- H. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.
21. Walter S. (2011), The "Service Turn" and the Future of the Academic libraries: OCLC Distinguished Seminar Series, University Library, Nxb University of Illinois at Abana Champaign, Illinois.
22. Wenqing W., Ling C. (2010), Building the New-generation China Academic Digital Library Information System (CADLIS): A Review and Prospectus.// D-Lib Magazin. Vol. 16. No. 5/6. DOI:10.1045/may2010-wenqing
23. (2014), Top Trends in Academic Libraries: A review of the trends and issues affecting academic libraries in higher education./ACRL Research Planning and Review Committee. <http://crln.acrl.org/content/75/6/294.short?rss=1&source=mfr>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 12-6-2015; Ngày phản biện đánh giá: 18-8-2015; Ngày chấp nhận đăng: 18-10-2015).